

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số :5061/QĐ-UBND

An Nhơn, ngày 10 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2017
của thị xã An Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND ngày 25/7/2018 của Hội đồng nhân dân thị xã An Nhơn về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách thị xã năm 2017;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã An Nhơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2017 của thị xã An Nhơn (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Thị ủy;
- Văn phòng HĐND & UBND TX;
- Các phòng, ban thuộc UBND TX;
- Viện kiểm sát nhân dân TX;
- Tòa án nhân dân TX,
- Cơ quan của các đoàn thể ở TX;
- UBND các xã, phường,
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Vĩnh Sơn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2017

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	553.304	867.918	156,86
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	372.180	463.114	124,43
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	225.630	332.087	147,18
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân cấp	146.550	131.027	89,41
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	181.124	286.771	158,33
-	Thu bổ sung cân đối	116.944	116.944	100,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu	64.180	169.827	264,61
3	Thu kết dư		19.444	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		98.589	
5	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	442.818	845.539	190,95
I	Chi cân đối ngân sách huyện	378.628	778.691	205,66
1	Chi đầu tư phát triển	71.158	352.572	495,48
2	Chi thường xuyên	307.470	426.119	138,59
3	Dự phòng ngân sách		0	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	64.190	113.218	176,38
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		0	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		0	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		61.644	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		5.204	
V	Chi khoản để lại quản lý qua NSNN			

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN	292.180	372.180	609.602	577.200	208,6	155,1
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	292.180	372.180	491.569	459.167	168,2	123,4
I	Thu nội địa	292.180	372.180	491.569	459.167	168,2	123,4
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương						
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương	0	0	1.276	1	0	0
2.1	Thuế GTGT hàng sản xuất KD trong nước			20	1		
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp			66	0		
2.3	Thuế TTĐB hàng SX trong nước			0	0		
2.4	Thu khác			0	0		
2.5	Thuế tài nguyên			1.190	0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0	0	0
3.1	Thuế GTGT hàng sản xuất KD trong nước						
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
3.3	Thuế TTĐB hàng SX trong nước						
3.4	Thu khác						
3.5	Thuế tài nguyên						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	141.890	141.890	133.030	129.765	94	91
4.1	Thuế GTGT hàng sản xuất KD trong nước	115.100	115.100	100.945	100.945	88	88
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.200	16.200	20.287	20.287	125	125
4.3	Thuế TTĐB hàng SX trong nước	410	410	403	0	98	0
4.4	Thu khác	6.040	6.040	3.658	795	61	13
4.5	Thuế tài nguyên	4.140	4.140	7.737	7.737	187	187
5	Thuế thu nhập cá nhân	8.800	8.800	9.865	9.794	112	111
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	0				
7	Lệ phí trước bạ	34.000	34.000	43.470	40.908	128	120
8	Thu phí, lệ phí	9.190	9.190	10.460	6.503	114	71
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	600	600	867	867	145	145
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0				
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	24.000	24.000	24.024	16.703	100	70
12	Thu tiền sử dụng đất	55.000	130.000	229.821	221.457	418	170
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	1.211	1.211		
14	Thu tiền bảo vệ phát triển đất lúa			1.594	1.594		
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0				
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	2.423			
17	Thu khác ngân sách	3.200	3.200	7.497	4.334	234	135
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	15.500	15.500	19.010	19.010	123	123
19	Thu huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng trong cụm công nghiệp	0	3.000	655	655		22

20	Thu huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng trong khai thác đá, cát	0	2.000	955	955		48
21	Các khoản huy động đóng góp khác			5.410	5.410		
II	Thu viện trợ						
B	Thu để lại quản lý chi qua NSNN						
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			19.444	19.444		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			98.589	98.589		

12

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ, CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG

THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2017

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	612.561	450.018	162.543	958.759	665.377	293.381	156,5	147,9	180,5
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	548.371	385.828	162.543	778.692	490.200	288.492	142,0	127,1	177,5
I	Chi đầu tư phát triển	144.370	71.158	73.212	352.572	165.941	186.631	244,2	233,2	254,9
1	Chi đầu tư cho các dự án	144.370	71.158	73.212	352.572	165.941	186.631	244,2	233,2	254,9
	Trong đó chia theo lĩnh vực:									
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>									
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>									
2	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên	394.475	307.470	87.005	426.119	324.259	101.860	108,0	105,5	117,1
	<i>Trong đó:</i>									
I	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	216.810	216.810	0	206.503	206.385	117	95,2	95,2	
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	365	365	0	328	328	0	89,9	89,9	
III	Dự phòng ngân sách	9.526	7.200	2.326						
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương									
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC	64.190	64.190		113.218	113.218		176,4	176,4	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu									
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu,	64.190	64.190	0	113.218	113.218	0	176,4	176,4	
C	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NĂM	0	0		61.644	58.140	3.505			
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	0			5.204	3.820	1.384			
E	CHI CÁC KHOẢN ĐỀ LẠI QUẢN LÝ QUA NSNN	0			0					

AMW

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2017

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	422.746	665.377	157,4
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	65.475	113.218	172,9
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	357.271	490.200	137,2
	<i>Trong đó:</i>			
I	Chi đầu tư phát triển	83.044	165.941	199,8
1	Chi đầu tư cho các dự án	83.044	165.941	199,8
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Chi quốc phòng		2.050	
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		0	
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		0	
1.4	Chi Khoa học và công nghệ		0	
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình		0	
1.6	Chi Văn hóa thông tin		0	
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn		0	
1.8	Chi Thể dục thể thao		700	
1.9	Chi Bảo vệ môi trường		0	
1.10	Chi các hoạt động kinh tế		161.578	
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1.000	
1.12	Chi Bảo đảm xã hội		0	
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác		613	
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	274.227	324.259	118,2
	<i>Trong đó:</i>	0	0	
1	Chi quốc phòng	173.299	2.295	1,3
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	700	1.268	181,1
3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	206.385	
4	Chi Khoa học và công nghệ	1.579	328	20,8
5	Chi Y tế, dân số và gia đình	1.076	0	0,0
6	Chi Văn hóa thông tin	607	1.947	320,8
7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	3.000	1.226	40,9
8	Chi Thể dục thể thao	28.441	579	2,0
9	Chi Bảo vệ môi trường	37.254	2.057	5,5
10	Chi các hoạt động kinh tế	1.450	19.517	1.346,0
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	28.441	40.458	142,3
12	Chi Bảo đảm xã hội	37.254	38.946	104,5

	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	422.746	665.377	157,4
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	65.475	113.218	172,9
13	Chi khác	1.450	9.253	638,2
III	Dự phòng ngân sách			
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		58.140	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		3.820	
E	CHI CÁC KHOẢN ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NSNN			

Handwritten signature or mark

**QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NS CẤP THỊ XÃ CHO NGÂN SÁCH TƯỜNG
XÃ, PHƯỜNG NĂM 2017**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	Xã, phường	Dự toán năm 2017				Quyết toán năm 2017				Số sánh QT/DT (%)
		Tổng số	Bổ sung cân đối	Bao gồm		Tổng số	Bổ sung cân đối	Bao gồm		
				Tổng số	Trong đó vốn ngoài nước			Tổng số	Trong đó vốn ngoài nước	
A	B	1	2	3	4	6	7	8	9	10
	Tổng số	66.972	30.176	36.797	-	110.818	30.176	80.643	-	165,47
1	P. Bình Định	341	0	341	-	4 107	0	4.107	-	1.203,76
2	P. Đáp Đá	1.104	920,25	183	-	4.300	920,25	3.380	-	389,64
3	P. Nhơn Thành	2.632	2.474	158	-	7.761	2.474	5.288	-	294,89
4	Nhơn Mỹ	2.704	2.545	160	-	9.702	2.545	7.157	-	358,75
5	Nhơn Hạnh	2.608	2.499	110	-	7.359	2.499	4.861	-	282,14
6	Nhơn Phong	2.783	2.674	110	-	8.151	2.674	5.477	-	292,84
7	Nhơn Hậu	3.088	2.978	110	-	8.959	2.978	5.981	-	290,16
8	Nhơn An	2.499	2.389	110	-	10.482	2.389	8.094	-	419,54
9	P. Nhơn Hưng	1.709	1.553	157	-	6.392	1.553	4.839	-	373,91
10	Nhơn Phúc	2.419	2.309	110	-	7.896	2.309	5.587	-	326,45
11	Nhơn Khánh	2.430	2.320	110	-	9.112	2.320	6.792	-	374,96
12	Nhơn Lộc	1.801	1.709	92	-	4.765	1.709	3.056	-	264,58
13	P. Nhơn Hòa	2.130	1.947	183	-	11.159	1.947	9.213	-	523,99
14	Nhơn Thọ	1.953	1.862	92	-	6.329	1.862	4.467	-	324,03
15	Nhơn Tân	2.108	1.998	110	-	4.343	1.998	2.345	-	206,04

AM

**QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB THUỘC NGUỒN NĂM 2017
(VỐN NGÂN SÁCH THỊ XÃ)**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: Tr. Đồng

STT	Nguồn vốn/ danh mục dự án, công trình	Số quyết toán năm 2017
1	2	3
	TỔNG SỐ	<u>165.941,05</u>
	<i>Vốn trong nước</i>	<i><u>165.941,05</u></i>
	<i>Vốn ngoài nước</i>	
A	NGUỒN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG	165.327,71
I	Vốn chuẩn bị đầu tư	
II	Vốn thực hiện dự án	165.327,71
1	Vốn đầu tư tập trung	13.554,49
1.1	Công trình phục vụ nông thôn mới Nhơn Thọ - Nhơn Khánh	1.204,56
1.2	Quản lý thiên tai WB5	142,93
1.3	Trường TH số 2 Nhơn Mỹ (điểm Gò Đu) - Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 12	555,00
1.4	Tuyến Quốc lộ 1A Gò Đá Trắng đến Từ Cẩm Thành thuộc Thành Hoàng Đế	200,00
1.5	Cầu Bàu Gốc	250,00
1.6	Trường TH Nhơn Tân (điểm Nam Tượng 3) - Hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và nhà vệ sinh, sửa chữa lớn nhà lớp học 1 tầng 4 phòng	420,00
1.7	Bờ ngự thủy thôn Tân Kiều (đoạn từ bến Đập Bình đến bến đò ông Cảnh)	355,00
1.8	Đê bao Nhơn Thuận, phường Nhơn Thành	237,41
1.9	Đê sông Nghèo đoạn bờ tả hạ lưu cầu Bến Tranh	350,00
1.10	Kè bờ sông Văn Lăng, đoạn thôn Lộc Thuận xã Nhơn Hạnh đến Gò Úng xã Phước Thắng	159,44
1.11	Sửa chữa, nâng cấp di tích mộ tập thể chiến sĩ Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 12, Sư đoàn 3 Sao Vàng	0,00
1.12	Cầu Khánh Mỹ	470,00
1.13	Trường Tiểu học số 2 phường Bình Định (điểm trường khu Thanh Niên) - Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng	190,00
1.14	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Mỹ (thôn Thiết Tràng) - Hạng mục: Nhà lớp học 2T	510,00
1.15	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Thành (khu vực Châu Thành) - Hạng mục Nhà lớp	500,00
1.16	Đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19 (giai đoạn 1)	1.050,00
1.17	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú, phường Bình Định (đoạn nối tiếp Km1+414,8 đến Km1+897,20)	560,00
1.18	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM vào Khu di tích Chi bộ Hồng Lĩnh, xã Nhơn	360,00
1.19	Đường kết nối giao thông N4 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp đường BTXM từ Cẩm Văn đi Chánh Thanh) thuộc khu đô thị mới Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng, thị	850,00
1.20	Kè sông Gò Chàm khu vực Phò An, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	600,00
1.21	Kè soi ông Thức, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	480,00

At



STT	Nguồn vốn/ danh mục dự án, công trình	Số quyết toán năm 2017
1	2	3
1.22	Trường THCS Nhơn An - Hạng mục: Nhà lớp học 2T - 12P (06 phòng học và nhà bộ môn)	630,00
1.23	Kè sông Kôn đoạn Trường cửu và đoạn kè thôn Đông Lâm, xã Nhơn Lộc	187,00
1.24	GPMB cộng trình trại thực nghiệm của trường Trung học Kinh tế - kỹ thuật	15,95
1.25	Cầu Đập Đá cũ, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	2.125,00
1.26	Trường Mầm non phường Bình Định (Kim Châu)	200,00
1.27	Đê Thiết Trụ, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn	952,20
2	Vốn CTMT:	32.492,59
2.1	Hỗ trợ các xã nông thôn mới	17.608,76
2.1.1	Trường Mẫu giáo Liêm Định	50,00
2.1.2	Đường BTXM tuyến cầu Bờ Bạ (nhà ông Xiên) đến giáp đường BTXM đi Thọ Quý (điểm đầu: cầu Bờ Bạ – nhà Hồ Văn Xiên – điểm cuối: BTXM đi Thọ	55,00
2.1.3	Đường BTXM tuyến từ nhà Trần Văn Tuấn đến ngã ba cạnh nhà Nguyễn Đường (điểm đầu: nhà Trần Văn Tuấn – điểm cuối: ngã ba cạnh nhà Nguyễn Đường)	46,00
2.1.4	Đường BTXM tuyến từ nhà bà Lê Thị Nga đến ngã ba cạnh nhà Nguyễn Hồng Canh (điểm đầu: nhà bà Lê Thị Nga – điểm cuối: ngã ba cạnh nhà Nguyễn Hồng	32,00
2.1.5	Đường giao thông liên xã từ xóm Thọ An Bắc đến giáp Nhơn Tân (điểm đầu: Đường BTXM xóm Thọ An Bắc – điểm cuối: giáp Nhơn Tân)	24,00
2.1.6	Đường BTXM từ nhà Nguyễn Văn Mai đến góc vườn nhà Phạm Thị Giáo (điểm đầu: nhà Nguyễn Văn Mai – điểm cuối: Góc vườn nhà Phạm Thị Giáo)	17,00
2.1.7	Đường BTXM tuyến từ ngã ba phía Nam nhà ông Lân đến ngõ nhà ông Hạnh (điểm đầu: ngã ba phía Nam nhà ông Nguyễn Đình Lân – điểm cuối: ngõ nhà ông Nguyễn Văn Hạnh)	5,00
2.1.8	Đường BTXM tuyến từ ngã ba nhà Châu Đình Chại đến góc vườn nhà bà Phạm Thị Dung (điểm đầu: ngã ba nhà Châu Đình Chại – điểm cuối: góc vườn nhà Phạm Thị Dung)	8,00
2.1.9	Đường BTXM tuyến từ Cầu Thương đến ngõ nhà ông Nguyễn Thành Dụng (điểm đầu: Cầu Thương – điểm cuối: nhà ông Nguyễn Thành Dụng)	31,00
2.1.10	Đường BTXM tuyến từ QL19 (nhà ông Tú) đến đường rẽ nhà ông Cát (điểm đầu: QL19 (nhà Lê Đình Tú) – điểm cuối: đường rẽ nhà ông Hà Công Cát)	13,00
2.1.11	Đường BTXM tuyến từ QL19 (nhà Phạm Công Quốc) đến giáp góc vườn nhà Lưu Thanh Hiền (điểm đầu: QL19 (nhà Phạm Công Quốc) – điểm cuối: giáp góc vườn nhà Lưu Thanh Hiền)	27,00
2.1.12	Đường BTXM tuyến từ đường BTXM (Trường Tiểu học số 2) đến ngõ nhà Lưu Văn Bửu (điểm đầu: đường BTXM (Trường Tiểu học số 2) – điểm cuối: ngõ nhà Lưu Văn Bửu)	20,00
2.1.13	Đường BTXM tuyến từ đường BTXM (nhà Võ Ngọc Sen) đến ngã ba cạnh nhà ông Tấn (điểm đầu: đường BTXM (nhà Võ Ngọc Sen) – điểm cuối: ngã ba cạnh nhà ông Huỳnh Văn Tấn)	20,00
2.1.14	Đường BTXM tuyến từ đường BTXM (cầu kênh N4a) đến góc vườn nhà ông Thạch (điểm đầu: đường BTXM (cầu kênh N4a) – điểm cuối: vườn nhà ông Tạ	23,00
2.1.15	Đường BTXM tuyến từ đường BTXM (nhà ông Tùng) đến ngã ba nhà ông Thành (điểm đầu: đường BTXM (nhà ông Lê Xuân Tùng) – điểm cuối: ngã ba nhà ông Lưu Văn Thành)	12,00

12

STT	Nguồn vốn/ danh mục dự án, công trình	Số quyết toán năm 2017
1	2	3
2.1.16	Đường BTXM tuyến từ nhà ông Thành đến góc vườn nhà ông Tín (điểm đầu: nhà ông Lê Văn Thành – điểm cuối: góc vườn phía đông nhà ông Lê Trung Tín)	19,00
2.1.17	Đường BTXM tuyến từ nhà Hà Công Cát đến Bờ Thẳng (điểm đầu: đường rẽ lên nhà Hà Công Cát – điểm cuối: Bờ Thẳng)	41,00
2.1.18	Đường BTXM tuyến từ đường BTXM (nhà bà Mai) đến ngã ba Miếu Thọ Phước (điểm đầu: đường BTXM (nhà bà Nguyễn Thị Mai)– điểm cuối: ngã ba Miếu Thọ Phước)	54,00
2.1.19	Đường BTXM tuyến từ góc Thọ Phước đến giáp Bờ Thẳng (điểm đầu: góc Thọ Phước – điểm cuối: Bờ Thẳng)	8,00
2.1.20	Đường BTXM tuyến từ phía Tây nhà Thái Văn Châu đến ngã ba nhà Nguyễn	14,00
2.1.21	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Thanh Liêm đến ngã ba nhà Huỳnh Văn Lộc (điểm đầu: nhà Nguyễn Thanh Liêm – điểm cuối: ngã ba nhà Huỳnh Văn)	23,00
2.1.22	Đường BTXM tuyến từ nhà ông Tài đến nhà ông Ánh (điểm đầu: nhà Nguyễn Văn Tài – điểm cuối: cửa nhà Tạ Văn Ánh)	46,00
2.1.23	Đường BTXM tuyến từ nhà Phan Văn Năm đến nhà Nguyễn Văn Tới (điểm đầu: nhà Phan Văn Năm – điểm cuối: đường rẽ nhà Nguyễn Văn Tới)	22,00
2.1.24	Đường BTXM tuyến đường từ Dốc Cầu Đen đến ngã ba cạnh nhà Nguyễn Chiến (điểm đầu: Dốc Cầu Đen – điểm cuối: ngã ba cạnh nhà Nguyễn Chiến)	15,00
2.1.25	Đường BTXM tuyến từ Chợ Cây Gai cũ đến ngõ nhà Nguyễn Ngọc Chánh (điểm đầu: Chợ Cây Gai cũ – điểm cuối: ngõ nhà Nguyễn Ngọc Chánh)	27,00
2.1.26	Đường BTXM tuyến từ nhà ông Hòa đến giáp đường bê tông Trường Mẫu giáo cũ Tây Viên (điểm đầu: nhà ông Hòa – điểm cuối: giáp đường bê tông Trường Mẫu giáo cũ Tây Viên)	40,00
2.1.27	Đường BTXM tuyến từ nhà Lê Mãi đến giáp ngõ nhà Nguyễn Thị Hồng Sen (điểm đầu nhà Lê Mãi – điểm cuối: giáp ngõ nhà Nguyễn Thị Hồng Sen)	11,00
2.1.28	Trạm Y tế xã Nhơn Khánh (HM: Nhà khám và điều trị - 02 tầng)	600,00
2.1.29	Trường mẫu giáo xã Nhơn Khánh; Hạng mục: Trường mẫu giáo	500,00
2.1.30	Nhà văn hóa đa năng xã Nhơn Khánh; Hạng mục: Nhà văn hóa	500,00
2.1.31	Mở mới tuyến đường từ nhà ông Trần Minh Vương đến giáp đường BTXM phía bắc chợ Đôn	104,00
2.1.32	Cấp phối sỏi cứng tuyến từ bờ vùng ngõ Lân - Mã Đề (Tam Hòa)	100,00
2.1.33	Xây dựng trường mầm non, mẫu giáo	450,00
2.1.34	Cấp phối sỏi cứng tuyến ngã ba nhà ông 7 Tỷ - Bắc Thuận	100,00
2.1.35	Cấp phối sỏi cứng tuyến ngã 636 - nhà ông Trương Văn Minh	100,00
2.1.36	Cấp phối sỏi cứng tuyến ngã ba Thu - Bắc Thuận	150,00
2.1.37	Cấp phối sỏi cứng tuyến từ trường mẫu giáo cũ - nhà Đỗ Bình, Liêm Lợi	200,00
2.1.38	Tuyến kênh mương bê tông Lưu Cao Trí chạy dọc bê tông xi măng xóm Thọ Thanh Nam, Thọ Thanh Trung	221,00
2.1.39	Cấp phối sỏi cứng tuyến nhà ông Phan Văn Cường ra đồng	100,00
2.1.40	Tuyến kênh mương Bờ Thẳng (đoạn từ QL19) đến giáp kênh mương Cạnh Bờm, xóm Thọ Phú Bắc (điểm đầu: QL19 - điểm cuối: giáp Cạnh Bờm)	529,00
2.1.41	Cấp phối sỏi cứng tuyến lò gạch cũ - nhà ông Chấn dài 0.3 (Kim Tài)	100,00
2.1.42	Xây dựng khu thể thao thôn Liêm Lợi (HM: Sân nền + tường rào)	49,00
2.1.43	Xây dựng 04 công làng văn hóa	147,00
2.1.44	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa và khu thể thao thôn Tam Hòa	101,00

11/3

STT	Nguồn vốn/ danh mục dự án, công trình	Số quyết toán năm 2017
1	2	3
2.1.45	Cấp phối sỏi cứng tuyến từ Lù bờ hầu - Cầu quai âm	300,00
2.1.46	Cấp phối sỏi cứng tuyến từ ngã ba Thầy Tấn đến nhà ông 8 Lỗ, Tam Hòa (điểm đầu: ngã ba Thầy Tấn - điểm cuối: nhà ông 8 Lỗ)	100,00
2.1.47	Chợ Cây Bông; HM: San nền, hệ thống thoát nước, lều chợ 1; lều chợ 2, sân bê	400,00
2.1.48	Tuyến từ kênh bê tông Gò Lầu Cỏ ngỗng đến An Đôn	260,00
2.1.49	Cấp phối sỏi cứng tuyến nhà ông Đặng Nước - nhà ông Võ Xuân Cảnh	100,00
2.1.50	Bê tông xi măng tuyến đường từ nhà ông Trần Minh Vương đến giáp đường bê tông phía bắc Chợ Đôn	44,00
2.1.51	Bê tông xi măng tuyến từ mép đường BTXM Quốc lộ 19 đi Thọ Mỹ đến phía đông trường mẫu giáo Nhơn Thọ	42,00
2.1.52	Kiên cố hóa tuyến mương từ Giác 1 đến giáp Nhơn Phong	100,00
2.1.53	Kiên cố hóa tuyến mương từ Giác 1 đến nhà ông Hùng	100,00
2.1.54	Cứng hóa tuyến đường từ Giác 1 đến Nhơn Phong thôn Dương Xuân	100,00
2.1.55	Kiên cố hóa tuyến mương từ Đập Đội 9 đến ruộng Nguyễn Phò (điểm đầu: Đập Đội 9 - điểm cuối: Ruộng Nguyễn Phò)	200,00
2.1.56	Kiên cố hóa kênh mương từ cống Xi Phong đến 19/5 (điểm đầu: Cống Xi Phong - điểm cuối: 19/5)	50,00
2.1.57	Kiên cố hóa tuyến mương từ khâu Đập đội 9 đến đám ruộng bà Vân	42,89
2.1.58	Kiên cố hóa tuyến mương từ đám ruộng bà Vân đến cống Mương Khai	200,00
2.1.59	Cứng hóa tuyến đường từ nhà ông Hải đến cống Kỳ Sơn thôn Lộc Thuận	91,66
2.1.60	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Đại Hòa (HM: Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa cộng đồng, tường rào - cổng ngõ)	300,00
2.1.61	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Thanh Danh (HM: Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa cộng đồng, tường rào - cổng ngõ)	300,00
2.1.62	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Vân Sơn (HM: Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa cộng đồng, tường rào - cổng ngõ)	300,00
2.1.63	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Nam Tân (HM: Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa cộng đồng, tường rào - cổng ngõ)	176,00
2.1.64	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Thiết Trụ (Hạng mục: Cải tạo, mở rộng nhà văn	276,00
2.1.65	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Nam Nhạn Tháp (Hạng mục: Nhà văn hóa công đồng, Nâng nền, Tường rào-cổng ngõ)	300,00
2.1.66	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tịnh Hòa	300,00
2.1.67	Xây dựng nhà văn hóa thôn Dương Xuân	300,00
2.1.68	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tịnh Bình	300,00
2.1.69	xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã	2.000,00
2.1.70	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hòa Đông	300,00
2.1.71	Xây dựng nhà văn hóa thôn Xuân Mai	300,00
2.1.72	Nghĩa địa đến ngõ Dương Thị Thu (điểm đầu: Nghĩa địa - điểm cuối: ngõ Dương Thị Thu)	41,00
2.1.73	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thái Xuân	300,00
2.1.74	Ngã rẽ ra trước đình (điểm đầu: Ngã rẽ tổ 1 Ngãi Chánh - điểm cuối: Trước đình	79,00
2.1.75	Đường bê tông đến trụ sở thôn (điểm đầu: Đường bê tông trạm Ngãi Chánh - điểm cuối: Trụ sở thôn Ngãi Chánh)	51,00
2.1.76	Sân thể thao thôn Thiết Trụ xã Nhơn Hậu (HM: Tường rào - cổng ngõ)	300,00

12

STT	Nguồn vốn/ danh mục dự án, công trình	Số quyết toán năm 2017
1	2	3
2.1.77	Nhà Văn Hóa Cộng đồng thôn Bắc Nhạn Tháp(HM:Nhà văn hóa cộng đồng, tường rào - cổng ngõ)	300,00
2.1.78	Bara tổ 6 đến cổng Việt(điểm đầu:Bara tổ 6 -điểm cuối: cổng nhà Việt tổ 7)	132,00
2.1.79	Trạm đến nhà 8 Muộn (điểm đầu:Trạm- điểm cuối: nhà 8 Muộn)	175,00
2.1.80	Tuyến Gò Chùa Thạnh Danh (điểm đầu: Đường bê tông- điểm cuối: Vùng Gò	93,00
2.1.81	Nhà văn hóa xã Nhơn Hậu	2.000,00
2.1.82	Trạm đến ngã 3 Phong Kỳ (điểm đầu: Trạm Bắc Nhạn Tháp - điểm cuối: Ngã 3	110,00
2.1.83	Nhà văn hóa thôn Bình An	300,00
2.1.84	Đường bê tông đến rào Địch (điểm đầu: Đường bê tông - điểm cuối: Rào nhà Phùng Vô Địch)	67,00
2.1.85	Nâng cấp tuyến nhà Trương Văn Tú thôn Tân Lập đến nhà ông Phạm Ngọc Tiến thôn Trảng Long	1.000,00
2.1.86	Cứng hóa giao thông nội đồng tuyến từ nhà ông Trần Văn Ngọc đến gò móc đội	0,00
2.1.87	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Nhơn Thọ - Tuyến kênh từ QL 19 đi Lung Nà đoạn từ K0+809 đến K0+579,2m	37,15
2.1.88	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Nhơn Thọ - Tuyến kênh từ QL 19 đi Lung	89,08
2.1.89	Mở rộng tuyến đường phía bắc chợ Đồn đến ngã ba Sáu Đám	63,66
2.1.90	Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đi Lung Nà đến giáp Nhơn Lộc	86,34
2.1.91	Trường Mẫu giáo Nhơn Thọ - Hạng mục Nhà hiệu bộ	347,98
2.2	Vốn khắc phục lũ lụt	3.773,58
2.2.1	Khắc phục lũ lụt 2016 xã Nhơn Phúc. Hạng mục: San lấp mặt bằng sa bồi đồng	200,00
2.2.2	Khắc phục lũ lụt năm 2016 xã Nhơn Phúc. Hạng mục : San lấp mặt bằng sa bồi	100,00
2.2.3	Khắc phục lũ lụt năm 2016, hạng mục: Sửa chữa đường Đê Bao	23,58
2.2.4	Xây dựng Kè Ngọc Thanh, xã Nhơn Thọ	2.500,00
2.2.5	Nước sạch khu đồng - Hạng mục: Mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt xã	950,00
2.3	Vốn mục giáo dục	11.110,25
2.3.1	Trường Mầm non xã Nhơn Hạnh (Điểm trường thôn Lộc Thuận: 03 phòng học)	900,00
2.3.2	Trường Mầm non xã Nhơn Hạnh (Điểm trường thôn Nhơn Thiện: 03 phòng học)	1.050,00
2.3.3	Trường Mầm non xã Nhơn Hạnh (Điểm trường thôn Thái Xuân: 04 phòng học)	1.050,00
2.3.4	Trường Mầm non phường Bình Định (Kim Châu)	360,00
2.3.5	Trường Mẫu giáo Đập Đá (Bà Canh)	539,00
2.3.6	Trường Mẫu giáo Đập Đá (Bắc Phương Danh)	522,00
2.3.7	Trường Mẫu giáo Đập Đá (lớp mẫu giáo số 2), khu vực Bắc Phương Danh	520,00
2.3.8	Trường Mẫu giáo Nhơn Hòa (Trung Ái)	535,88
2.3.9	Trường Mẫu giáo Nhơn Hòa (Phú Sơn)	632,00
2.3.10	Trường Mẫu giáo Nhơn Thành (Vĩnh Phú)	587,00
2.3.11	Trường Mẫu giáo Nhơn Thành (Châu Thành)	515,00
2.3.12	Trường Mẫu giáo Nhơn Thành (Lý Tây)	504,00
2.3.13	Trường Mẫu giáo Nhơn Hạnh (Thanh Mai)	520,00
2.3.14	Trường Mẫu giáo Nhơn Hạnh (Hòa Đông)	503,00
2 3 15	Trường Mẫu giáo Nhơn Phúc (Phụ Ngọc)	692,00

1/2

STT	Nguồn vốn/ danh mục dự án, công trình	Số quyết toán năm 2017
1	2	3
2.3.16	Trường Mẫu giáo Nhon Khánh (Quan Quang)	513,00
2.3.17	Trường Mầm non Nhon Tân (Nam Tượng 1)	488,37
2.3.18	Trường Mầm giáo Nhon Mỹ (Tân Kiều)	280,00
2.3.19	Trường Mầm non Nhon Thành (HM: Nhà lớp học 03 phòng)	399,00
3	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	88.209,89
3.1	Công trình phục vụ nông thôn mới Nhon Thọ - Nhon Khánh	2.999,07
3.2	Kênh N24 - Hệ thống kênh tưới Văn Phong	132,00
3.3	Đối ứng vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa	48,69
3.4	Bê tông xi măng đường từ Quốc lộ 19B đến UBND xã Nhon Mỹ	529,00
3.5	Bê tông xi măng đường từ nhà ông Liêm đến nhà ông Nhường	646,00
3.6	Bê tông xi măng từ cổng mương thủy lợi đến giáp nhà ông Đôn	73,00
3.7	Bê tông xi măng từ nhà bà Sen đến giáp nhà ông Danh	70,00
3.8	Lát vỉa hè đường vào Chi bộ Hồng Lĩnh	185,00
3.9	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hồng Phong phường Bình Định (đoạn từ đường Trần Phú đến chùa Chi Hội)	94,27
3.10	Khu đất dự trữ phát triển tại tổ 4 khu vực Kim Châu (Khu dân cư Lầu Chuông),	140,00
3.11	Sửa chữa, nâng cấp di tích mộ tập thể chiến sĩ Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 12, Sư	8,51
3.12	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới phường Đập Đá	3.000,00
3.13	Khu dân cư đội 4, khu vực Bằng Châu	6.101,50
3.14	Khu dân cư Phú Thành, phường Nhon Thành	230,00
3.15	Đường kết nối giao thông N4 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp đường BTXM từ Cẩm	15,77
3.16	Kè sông Gò Chàm khu vực Phò An, phường Nhon Hưng, thị xã An Nhon	187,02
3.17	Kè soi ông Thúc, khu vực Long Quang, phường Nhon Hòa, thị xã An Nhon	563,37
3.18	Trường Mầm non xã Nhon Hạnh (Điểm trường thôn Lộc Thuận: 03 phòng học)	60,00
3.19	Trường Mầm non xã Nhon Hạnh (Điểm trường thôn Nhon Thiện: 03 phòng học)	95,00
3.20	Trường Mầm non xã Nhon Hạnh (Điểm trường thôn Thái Xuân: 04 phòng học)	80,00
3.21	Kè sông Kôn đoạn Trường cửu và đoạn kè thôn Đông Lâm, xã Nhon Lộc	1.000,00
3.22	Cầu Hòa Phong	0,50
3.23	Khu dân cư tổ 5, khu vực Kim Châu, phường Bình Định	13.540,81
3.24	Khu đất mở rộng chợ Đập Đá thuộc khu đô thị mới, phường Đập Đá	850,00
3.25	Khu dân cư Vạn Thuận, phường Nhon Thành	2.530,00
3.26	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (giai đoạn 3)	552,00
3.27	Khu di tích Chi bộ Hồng Lĩnh	4.092,16
3.28	Đê Thiết Trụ, xã Nhon Hậu, thị xã An Nhon	2.700,00
3.29	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã An Nhon	3.731,07
3.30	Khu dân cư khu vực Hòa Cu, phường Nhon Hưng	15.699,80
3.31	Đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19, phường Nhon Hòa (giai đoạn 2)	11.576,70
3.32	Doanh trại Ban chỉ huy Quân sự thị xã	2.010,00
3.33	Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhon	1.000,00

STT	Nguồn vốn/ danh mục dự án, công trình	Số quyết toán năm 2017
1	2	3
3.34	Khu tái định cư phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn phục vụ giải phóng mặt	3.691,43
3.35	hoàn ứng kinh phí đã tạm ứng để đầu tư xây dựng các khu, điểm tái định cư phục vụ GPMB thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1 qua địa phận thị xã	9.977,22
4	Vốn sự nghiệp giao thông	1.772,26
4.1	Sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn phường Bình Định	129,46
4.2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636A đi cầu ông Bằng, xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn (một số hạng mục bổ sung năm 2014)	31,00
4.3	Công trình giao thông từ nhà ông Lý Xuân Hỷ đến cầu Thị Lụa, xã Nhơn Hậu (đoạn từ gốc Cây Gòn đến cầu Thị Lụa)	215,00
4.4	Cầu Muong Am, xã Nhơn Hạnh	110,00
4.5	Đường nội bộ khu dân cư Bắc đường bao	360,00
4.6	Mở nút giao thông đoạn đường Trần Phú nối đường 30 tháng 3 (đường Nguyễn Đình Chiểu cũ)	110,00
4.7	Duy tu, sửa chữa một số tuyến đường nội thị trên địa bàn phường Đập Đá	60,00
4.8	Duy tu, sửa chữa một số tuyến đường nội thị trên địa bàn phường Bình Định	170,00
4.9	Sơn phân làn đường Trần Phú và đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường Trần Thị Kỳ đến đường Thanh Niên)	63,00
4.10	Cầu Đình, thôn Tân Đức	375,50
4.11	Công trình phục vụ nông thôn mới Nhơn Thọ - Nhơn Khánh	144,61
4.12	Sửa chữa tuyến đường đi vào Cụm công nghiệp Thanh Liêm, xã Nhơn An	3,69
5	Vốn sự nghiệp thủy lợi	551,32
5.1	Kè soi ông Thức, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	500,00
5.2	Công trình phục vụ nông thôn mới Nhơn Thọ - Nhơn Khánh	51,32
6	Vốn kiến thiết thị chính	16.728,17
6.1	Nâng cấp, sửa chữa chính trang công viên Bả Canh, phường Đập Đá	472,57
6.2	Lắp đặt hệ thống thiết bị điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Quốc lộ 1A (đoạn ngã 3 An Ngãi, phường Nhơn Hưng đến ngã tư Ngô Gia Tự, phường Bình Định) và tuyến đường đi từ UBND phường Nhơn Hòa đến tiếp giáp đường	242,01
6.3	Xây dựng hệ thống thoát nước tại miếu Dinh Cò (khu vực Mai Xuân Thường - phường Bình Định)	752,57
6.4	Sửa chữa sân vườn và Nhà làm việc Thị ủy	240,00
6.5	Nghĩa trang nhân dân Bắc An Nhơn (đường giao thông)	360,00
6.6	Sửa chữa, nâng cấp phòng Bá âm Đài Truyền thanh thị xã	100,00
6.7	Nghĩa trang nhân dân Bắc An Nhơn (giai đoạn I)	650,00
6.8	Nâng cấp mở rộng tuyến đường liên xã Nhơn Hạnh thị xã An Nhơn đi xã Cát Nhơn huyện Phù Cát	640,00
6.9	Sửa chữa, nâng cấp di tích mộ tập thể chiến sĩ Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 12, Sư đoàn 3 Sao Vàng	115,00
6.10	Xây dựng lại nhà bia tưởng niệm và một số hạng mục khác của Tượng đài liệt sỹ trung tâm thị xã An Nhơn	1.020,00
6.11	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hồng Phong - Bình Định (đoạn từ trường An Nhơn I đến tiếp giáp đường Thanh Niên)	270,00

AV

STT	Nguồn vốn/ danh mục dự án, công trình	Số quyết toán năm 2017
1	2	3
6.12	Bãi chôn lấp chất thải rắn thị xã An Nhơn - Hạng mục: Ô chôn lấp mới C7	700,00
6.13	Duy tu, sửa chữa một số tuyến đường nội thị trên địa bàn phường Đập Đá	55,00
6.14	Duy tu, sửa chữa một số tuyến đường nội thị trên địa bàn phường Bình Định	157,50
6.15	Thảm nhựa tuyến đường Lương Thế Vinh (đoạn từ đường 30/3 đến giáp đường Phạm Hồng Thái) và tuyến đường Phạm Hồng Thái (đoạn công viên Quang Trung), phường Bình Định	304,00
6.16	Sơn phân làn đường Trần Phú và đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường Trần Thị Kỳ đến đường Thanh Niên)	36,30
6.17	Thảm bê tông nhựa mặt đường Trần Phú, phường Bình Định (từ Km 0+00 đến Km 1+897,20)	1.200,00
6.18	Cắm cột mốc, khoanh vùng bảo vệ các di tích (Phủ thành Quy Nhơn, Văn Miếu, Cột cờ Thành Bình Định, Thành Cha, Lò gốm cổ Gò Sành)	105,00
6.19	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (giai đoạn 3)	970,00
6.20	Nâng cấp, mở rộng đường Quang Trung đoạn từ ngã 4 đường Thanh Niên đến giáp ga Bình Định	970,00
6.21	Di tích lịch sử Khu căn cứ cách mạng An Trường - hạng mục Nhà che bia di tích và đường đến di tích (đoạn từ chân núi lên đến di tích gốc)	164,92
6.22	Cầu Đập Đá cũ, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	1.675,00
6.23	Di dời hệ thống thoát nước ảnh hưởng đến việc xây dựng nhà ở hộ bà Nguyễn Thi Bích, phường Bình Định	93,02
6.24	Xây dựng hệ thống thoát nước trên các tuyến đường huyện ĐH.37 và ĐH.38 xã Nhơn Hạnh	61,41
6.25	Đường Trần Phú đoạn từ cầu Liêm Trục 2 đến giáp nút giao tuyến tránh Quốc lộ 1 (Km1+927,70 đến Km2+450,10)	5.000,00
6.26	Đối ứng vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	231,09
6.27	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự phường Bình Định	111,00
6.28	Bê tông xi măng đường từ Quốc lộ 19B đến UBND xã Nhơn Mỹ	25,00
6.29	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú, phường Bình Định (đoạn nối tiếp Km1+414,8 đến Km1+897,20)	3,76
6.30	Khu di tích Chi bộ Hồng Lĩnh	3,02
7	Vốn kết dư ngân sách năm 2015	739,07
7.1	Khu dân cư Tiên Hội, phường Nhơn Thành	739,07
8	Vốn dự phòng ngân sách 2017	331,00
8.1	Đập Thập Nhị, xã Nhơn Mỹ	331,00
9	Vốn huy động đóng góp	10.364,93
9.1	Lữ đoàn PK 573 làm đường vào bãi rác	40,00
9.2	Cải tạo, nâng cấp BTXM tuyến đường Tân Hòa - An Lộc (điểm đầu: ngõ nhà ông Tân - điểm cuối: ngõ nhà ông Nhuận)	800,00
9.3	Lát tấm đan + bó vỉa Cụm công nghiệp Gò Đá Trắng	82,77
9.4	Cụm công nghiệp phường Bình Định - Hạng mục Mặt đường BTXM, vỉa hè tuyến đường số 1,3,5 và hệ thống thoát nước tuyến đường số 2,7,9	1.670,00
9.5	Đường bê tông vào Cụm công nghiệp Bình Định	764,53
9.6	Đường bê tông vào Cụm công nghiệp Thanh Liêm	1.798,69
9.7	Trường TH số 3 Nhơn Hòa (khu vực Long Quang)	3.000,00
9.8	Bê tông xi măng đường từ Quốc lộ 19B đến UBND xã Nhơn Mỹ	62,00

4/

STT	Nguồn vốn/ danh mục dự án, công trình	Số quyết toán năm 2017
1	2	3
9.9	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xã Nhơn Tân; Tuyến : Trường mẫu giáo đến xóm Hóc Cùng (Điểm đầu : Nhà ông Nguyễn Kiện - Điểm cuối :	70,00
9.10	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xã Nhơn Tân; Tuyến : Lâm lộ An Trường đi Phúc Mới (Điểm đầu : Lâm lộ An Trường - Điểm cuối : xóm Phúc	70,00
9.11	Khu dân cư tổ 5, khu vực Kim Châu, phường Bình Định	2.000,00
9.12	Cụm công nghiệp phường Bình Định - GPMB	6,93
10	Vốn khác	584,00
10.1	Công trình phục vụ nông thôn mới Nhơn Tho - Nhơn Khánh	119,00
10.2	Trường Mầm non xã Nhơn Hạnh (Điểm trường thôn Lộc Thuận: 03 phòng học)	140,00
10.3	Trường Mầm non xã Nhơn Hạnh (Điểm trường thôn Nhơn Thiện: 03 phòng học và phòng chức năng)	170,00
10.4	Trường Mầm non xã Nhơn Hạnh (Điểm trường thôn Thái Xuân: 04 phòng học)	155,00
B	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ THUỘC NSNN KHÁC:	613,35
1	Tiền thuê đất	613,35
1.1	Ghi thu, ghi chi tiền bồi thường GPMB vào tiền thuê đất	613,35

Handwritten signature or mark

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2017

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	Nội dung	Quyết toán												So sánh (%)	
		Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia						Tổng số		Trong đó			
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp			
A	B	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	16=5/1	17=6/2	18=7/3	
	TỔNG SỐ	8.491	5.763	2.728	7.445	5.763	5.763	0	1.681	1.681					
I	Ngân sách cấp huyện	2.093		2.093	1.046				1.046	1.046					
1	Phòng Kinh tế	633		633	316				316	316					
2	Phòng Lao động - TB & XH	1.460		1.460	730				730	730					
II	Ngân sách xã	6.398	5.763	635	6.398	5.763	5.763	0	635	635					
1	Nhơn Mỹ	371	315	56	371	315	315		56	56					
2	Nhơn Hạnh	603	409	194	603	409	409		194	194					
3	Nhơn Phong	341	315	26	341	315	315		26	26					
4	Nhơn Hào	585	409	176	585	409	409		176	176					
5	Nhơn An	1.163	1.113	50	1.163	1.113	1.113		50	50					
6	Nhơn Khánh	315	315	0	315	315	315		0	0					
7	Nhơn Phúc	1.115	1.115	0	1.115	1.115	1.115		0	0					
8	Nhơn Lộc	1.140	1.090	50	1.140	1.090	1.090		50	50					
9	Nhơn Thọ	398	315	83	398	315	315		83	83					
10	Nhơn Tân	367	367	0	367	367	367		0	0					

AMY